CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 128/EB/2023

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB

Địa chỉ: Số 163, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 01, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 028.39958368 Fax: 028.39958423

Mã số doanh nghiệp: 0105696842

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **THỰC PHẨM BỔ SUNG: BÁNH QUY GIÒN ĐẬM VỊ SỮA - KOKOLA**
2. Thành phần: Bột mì, đường, dầu thực vật, chất tạo xốp (503(ii), 500(ii)), sữa tươi 1,5%, tinh bột ngô, bột sữa 1,3%, muối, tinh bột sắn, bơ lạt, xi rô fructose, vi chất bổ sung (vitamin A, B1, B2, B6, B9, B12, canxi, phốt pho, sắt, i-ốt), chất xử lý bột (450(i), 1101(i)).
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 15 tháng kể từ ngày sản xuất.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
   - Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 110 g hoặc khối lượng khác theo nhu cầu khách hàng.
   - Chất liệu bao bì: Sản phẩm được bao gói trực tiếp bằng túi nhôm, bên ngoài là hộp giấy.
5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (sản phẩm nhập khẩu): PT.MEGA GLOBAL FOOD INDUSTRY - Gresik 6117, Indonesia.

III. Mẫu nhãn sản phẩm

Đính kèm (Theo 43/2017/NĐ-CP Nghị định về Nhãn hàng hóa và 111/2021/NĐ-CP Nghị định về Sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 43/2017/NĐ-CP nhãn hàng hóa).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

1. **Chỉ tiêu độc tố vi nấm:** theo QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin B1	µg/kg	2
2	Aflatoxin tổng số	µg/kg	4
3	Ochratoxin A	µg/kg	3
4	Deoxynivalenol	µg/kg	500
5	Zearalenone	µg/kg	50

2. **Chỉ tiêu kim loại nặng**: theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Cadmi (Cd)	mg/kg	0,2
2	Chì (Pb)	mg/kg	0,2

3. **Chỉ tiêu vi sinh vật**: theo Quyết định 46/2007/QĐ-BYT Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^4
2	*Coliforms*	CFU/g	10
3	*E. coli*	MPN/g	3
4	*Staphylococcus aureus*	CFU/g	10
5	*Clostridium perfringens*	CFU/g	10
6	*Bacillus cereus*	CFU/g	10
7	Tổng số bào tử nấm men – nấm mốc	CFU/g	10^2

V. Hàm lượng chất bổ sung

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Vitamin A	µg/100 g	115,43
2	Vitamin B1	mg/100 g	0,52
3	Vitamin B2	mg/100 g	1,23
4	Vitamin B6	mg/100 g	0,21
5	Vitamin B9	µg/100 g	235,48
6	Vitamin B12	µg/100 g	0,46
7	Calcium (Ca)	mg/100 g	246,86
8	Phosphorus (P)	mg/100 g	126,977
9	Sắt	mg/100 g	4,75
10	Iốt	µg/100 g	45,22

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 05 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB

LÊ THỊ MINH TRANG

Giám Đốc Chất lượng và Vệ sinh ATTP Toàn Quốc

MỨC ĐÁP ỨNG RNI THEO KHẨU PHẦN ĂN HẰNG NGÀY

(Căn cứ vào Phụ lục số 01 – Thông tư 43/2014/TT-BYT: QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ THỰC PHẨM CHỨC NĂNG)

STT	Vi chất bổ sung	Mức công bố theo nhãn		RNI khuyến nghị*	Mức đáp ứng theo RNI (%)
		Giá trị	Đơn vị		
1	Vitamin A	115,43	µg/100 g	600 µg/ngày	19%
2	Vitamin B1	0,52	mg/100 g	1,2 mg/ngày	43%
3	Vitamin B2	1,23	mg/100 g	1,3 mg/ngày	95%
4	Vitamin B6	0,21	mg/100 g	1,3 mg/ngày	16%
5	Vitamin B9	235,48	µg/100 g	400 µg/ngày	59%
6	Vitamin B12	0,46	µg/100 g	2,4 µg/ngày	19%
7	Calcium (Ca)	246,86	mg/100 g	700 mg/ngày	35%
8	Phosphorus (P)	126,977	mg/100 g	700 mg/ngày	18%
9	Sắt	4,75	mg/100 g	27,4 mg/ngày	17%
10	Iốt	45,22	µg/100 g	150 µg/ngày	30%

**Mức khuyến nghị lấy theo người nam trưởng thành từ 19 – 50 tuổi*

MẪU NHÃN SẢN PHẨM

THÔNG TIN NHÃN PHỤ

THỰC PHẨM BỔ SUNG: BÁNH QUY GIÒN ĐẬM VỊ SỮA – KOKOLA

Thành phần: Bột mì, đường, dầu thực vật, chất tạo xốp (503(ii), 500(ii)), sữa tươi 1,5%, tinh bột ngô, bột sữa 1,3%, muối, tinh bột sắn, bơ lạt, xi rô fructose, vi chất bổ sung (vitamin A, B1, B2, B6, B9, B12, canxi, phốt pho, sắt, i-ốt), chất xử lý bột (450(i), 1101(i)).

NSX và HSD:

Đối tượng sử dụng: Người lớn và trẻ em trên 2 tuổi

Nhập khẩu và phân phối bởi: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB, 163 Phan Đăng Lưu, P. 1, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số TCB: 128/EB/2023

Thông tin dinh dưỡng, khối lượng tịnh, hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản, cảnh báo: xem trên bao bì sản phẩm.

Trang/ *Page No*: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: 1X243D0191-4

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* : **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* : 163 Phan Đăng Lưu, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date sample(s) received* : 21/04/2023
4. **Ngày phân tích mẫu**/ *Date of Performance of Test* : 21/04/2023
5. **Ngày trả kết quả**/ *Date of Issue* : 27/04/2023
6. **Thông tin mẫu**/ *Name of Sample* : **THỰC PHẨM BỔ SUNG: BÁNH QUY GIÒN ĐẬM VỊ SỮA - KOKOLA**
7. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong bao bì kín (Mẫu do khách hàng cung cấp)
8. **Ghi chú**/ *Note* :
9. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

STT/ *No.*		Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	LS	Aflatoxin B_1 (*) / Aflatoxin B_1 (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.15	TS-KT-SK-38:2019 (Ref. TCVN 10638:2014)
2	LS	Aflatoxin (tổng B_1,B_2,G_1,G_2) (*) / Aflatoxin (sum of B_1,B_2,G_1,G_2) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.15	TS-KT-SK-38:2019 (Ref. TCVN 10638:2014)
3	LS	Ochratoxin A (*) / Ochratoxin A (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.3	TS-KT-SK-41:2018 (Ref. EUR 23657 EN – 2009)
4	LS	Deoxynivalenol (*) / Deoxynivalenol (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	21	TS-KT-SK-45:2018 (Ref. AOAC 986.17)
5	LS	Zearalenone (*) / Zearalenone (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	5	TS-KT-SK-42:2018 (Ref. BS EN 15792:2009)
6	LS	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.007	TS-KT-QP-02:2018
7	LS	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	0.137	mg/kg	-	TS-KT-QP-02:2018
8	LS	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)
9	LS	Coliforms (*) / Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2007)
10	LS	Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected	MPN/g	0	TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015)
11	LS	Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	AOAC 975.55
12	LS	Clostridium perfringens (*) / Clostridium perfringens (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ *This report will not be reproducted except in full, without approval of TSL.*

Trang/ *Page No*: 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: 1X243D0191-4

STT/ *No.*		Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
13	LS	Bacillus cereus (*) / Bacillus cereus (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	AOAC 980.31
14	LS	Tổng số bào tử nấm men nấm mốc / Total spores of yeasts and moulds	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	Ref. TCVN 8275-2 : 2010 (ISO 21527-2 : 2008)
15	LS	Vitamin A (Retinol) (*) / VitaminA (Retinol) (*)	344	µg/100g	-	TS-KT-SK-30:2019 (Ref. TCVN 8972-1:2011)
16	LS	Vitamin B_1 (Thiamine) (*) / Vitamin B_1 (Thiamine) (*)	0.385	mg/100g	-	TS-KT-SK-33:2018
17	LS	Vitamin B2 (Riboflavin) (*) / Vitamin B2 (Riboflavin) (*)	1.08	mg/100g	-	TS-KT-SK-34:2019 (Ref. TCVN 8975:2011)
18	LS	Vitamin B6 (*) / Vitamin B6 (*)	0.203	mg/100g	-	TS-KT-SK-160
19	LS	Vitamin B9 (*) / Vitamin B9 (*)	247	µg/100g	-	TS-KT-SK-160
20	LS	Vitamine B12 / Vitamine B12	2.35	µg/100g	-	TS-KT-SK-161
21	LS	Canxi (Ca) (*) / Calcium (Ca) (*)	75.7	mg/100g	-	TS-KT-QP-01:2018 (Ref. TCVN 9588:2013 AOAC 999.11)
22	LS	Sắt (Fe) (*) / Iron (Fe) (*)	9.59	mg/100g	-	TS-KT-QP-01:2018 (Ref. TCVN 9588:2013 AOAC 999.11)
23	LS	Phospho tổng (*) / Total Phosphorus (*)	134	mg/100g	-	AOAC 995.11

Chú thích/ *Remarks*:

1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

M.S.D.N: 0314212815 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

HUỲNH TẤN CƯỜNG

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ *This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.*

eurofins | Sac Ky Hai Dang

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2023-00049144
Mã số kết quả : AR-23-VD-051895-01-VI / EUVNHC-00211846

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB
Số 163, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 1, Quận Phú Nhuận
Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tên mẫu : THỰC PHẨM BỔ SUNG: BÁNH QUY GIÒN ĐẬM VỊ SỮA - KOKOLA
Tình trạng mẫu : Mẫu thành phẩm
Ngày nhận mẫu : 22/04/2023
Thời gian thử nghiệm : 24/04/2023 - 27/04/2023
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 27/04/2023
Mã số PO của khách hàng : H8M32304224726
Mã số mẫu EoI : 005-32410-192328

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VDG38 VD **Hàm lượng iot**	µg/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-9982 (Ref. AOAC 2012.15)	**130**

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Trưởng phòng thí nghiệm HCM

M.S.D.N:0311526885-C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH EUROFINS SÁC KÝ HẢI ĐĂNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 27/04/2023, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 27/04/2023.

Ghi chú giải thích
Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.